

KẾ HOẠCH

tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW của Bộ Chính trị “về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình”

Thực hiện Công văn số 7089-CV/BTGTW ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị “về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình” (viết tắt là Nghị quyết), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tổng kết như sau:

I- Mục đích, yêu cầu

1- Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai nghị quyết. Làm rõ chuyển biến về nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân về công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình.

2- Đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém, tồn tại và phân tích những nguyên nhân; rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Nghị quyết. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp phù hợp với từng địa phương, đơn vị nhằm thực hiện hiệu quả chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình theo tinh thần nghị quyết 47-NQ/TW và Chỉ thị 21-CT/TU.

3- Tiến hành tổng kết nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đảm bảo tiến độ thời gian.

II- Nội dung tổng kết

1- Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết tại địa phương của các cấp ủy, chính quyền và của ngành y tế.

- Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo của địa phương, của ngành y tế đã ban hành.

- Đánh giá sự chuyển biến về nhận thức và hành động, vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền; sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể và sự tham gia của các tầng lớp nhân dân đối với việc thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp phù hợp với từng địa phương, đơn vị nhằm thực hiện hiệu quả chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình theo tinh thần nghị quyết 47-NQ/TW và Chỉ thị 21-CT/TU.

2- Kết quả thực hiện Nghị quyết

Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết (*các nhận định, đánh giá cần nêu rõ số liệu để so sánh, chứng minh*) theo các nội dung sau:

2.1- Thực trạng thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình tại địa phương, cơ sở

- Thực trạng tình hình dân số - kế hoạch hóa gia đình và chất lượng dân số tại địa phương cơ sở: Vấn đề quy mô, chất lượng dân số (chú ý đến vấn đề tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong dòng bào dân tộc thiểu số), phân bố dân cư; thực trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ chấp nhận và sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại, tỷ lệ sinh con thứ ba, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, tình trạng có thai ngoài ý muốn, nạo hút thai, phá thai...

- Các chương trình, giải pháp cụ thể của các ngành, địa phương, cơ sở để triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chính sách dân số và công tác kế hoạch hóa gia đình.

2.2- Đánh giá công tác tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức, hành vi

- Công tác phổ biến, tuyên truyền, vận động thực hiện Pháp lệnh dân số và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách dân số tại cộng đồng dân cư.

- Kết quả thực hiện công tác truyền thông dân số: Nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền, giải pháp duy trì và phát triển các mô hình truyền thông dân số; lồng ghép công tác dân số với phát triển kinh tế xã hội...

- Công tác phát triển, xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến về thực hiện chính sách dân số và công tác kế hoạch hóa gia đình phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng địa phương, đơn vị và cộng đồng dân cư.

- Công tác phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể và sự tham gia của các tầng lớp nhân dân trong công tác tuyên truyền chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

2.3- Đánh giá công tác củng cố, kiện toàn bộ máy, cán bộ và nâng cao năng lực quản lý

- Thực trạng bộ máy tổ chức, hiệu quả hoạt động của đội ngũ làm công tác dân số ở cấp huyện và cơ sở.

- Công tác xây dựng, tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp và công tác viên dân số ở thôn, làng, tổ dân phố, nhằm đáp ứng yêu cầu công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trong tình hình mới.

- Đánh giá việc thực hiện quản lý, điều hành công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình theo chương trình mục tiêu quốc gia, gắn với việc đăng ký, xử lý và cung cấp thông tin, dữ liệu về dân số phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu, điều

hành, xây dựng kế hoạch và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, cơ sở.

2.4- Đánh giá đầu tư nguồn lực

- Tổng kinh phí và các nguồn kinh phí đầu tư cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình tại địa phương và cơ sở.

- Đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn kinh phí, công tác huy động các nguồn kinh phí và sự đóng góp của nhân dân trong thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình.

2.5- Công tác mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số

- Đánh giá công tác quy hoạch và triển khai các loại hình, mạng lưới dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình; xây dựng các hình thức cung ứng các dịch vụ chất lượng, các chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình đối với vùng nông thôn, vùng đông dân có mức sinh cao, vùng sâu, vùng xa; các hoạt động lồng ghép cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình với phòng, chống HIV/AIDS...

- Đánh giá công tác xây dựng, triển khai các chương trình, dự án nâng cao chất lượng dân số, đặc biệt là với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn tại địa phương, cơ sở.

- Kết quả việc quản lý, tuyên truyền, hướng dẫn, giáo dục, can thiệp và hạn chế tảo hôn, hôn nhân cận huyết tại địa phương, cơ sở.

3- Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện có hiệu quả chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình trong thời gian tới

4- Những đề xuất, kiến nghị với Trung ương, tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình đạt hiệu quả hơn

Gợi ý đề xuất:

- Quan điểm đối với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.
- Mục tiêu của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trong thời gian tới.
- Phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.
- Hệ thống tổ chức và bộ máy làm công tác dân số các cấp.
- Công tác tuyên truyền, vận động giáo dục về công tác dân số.
- Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực làm công tác dân số.
- Công tác đảm bảo cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số.
- Những đề xuất khác.

III- Tổ chức thực hiện

1- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân tỉnh chỉ đạo ban, ngành, các đơn vị trực thuộc tiến hành tổng kết theo quy định và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy*) **trước ngày 30 tháng 11 năm 2014.**

2- Sở Y tế xây dựng báo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết (*theo nội dung tổng kết nêu trên và biểu mẫu đính kèm*) và gửi báo cáo về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy **trước ngày 30 tháng 11 năm 2014.**

3- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tiến hành tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị “*về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình*” (*theo nội dung tổng kết nêu trên và biểu mẫu đính kèm*) và gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy*), thời gian gửi báo cáo trước **ngày 30 tháng 11 năm 2014.**

4- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết của tỉnh; tham mưu ban hành văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị “*về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình*”, gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*), thời gian **trước ngày 08 tháng 12 năm 2014.**

5- Dự kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành tổng kết bằng văn bản vào **tháng 12 năm 2014.**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thị, thành ủy và các sở, ban, ngành có liên quan triển khai tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo Trung ương + T26,
- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Y tế,
- Các huyện, thị, thành ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

đã ký

Phạm Đình Thu

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT 47-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
(các huyện, thị, thành ủy)

I- Triển khai thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW

1- Tình hình quán triệt các văn bản tại các cấp (ghi tỷ lệ % hoặc số tuyệt đối vào ô tương ứng)

Văn bản chỉ đạo của các cấp	Chưa quán triệt	Đã quán triệt	Đối tượng quán triệt		Phương thức quán triệt			
			Cán bộ chủ chốt	Đảng viên từng chi bộ	Học tập chuyên đề độc lập	Lồng ghép với các chuyên đề khác	Lồng ghép vào nghị quyết chi bộ	Khác (ghi rõ)
Nghị quyết 47-NQ/TW								
Chỉ thị 21-CT/TU								
Cấp huyện								
Cấp xã ¹								

2- Kết quả ban hành các văn bản liên quan đến công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tại địa phương từ năm 2005 đến nay (thống kê đầy đủ các văn bản đã ban hành)

2.1- Văn bản quy định về mô hình tổ chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình

TT	Tên đầy đủ của văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày có hiệu lực
1.			
2.			
...			

2.2- Văn bản quy định về nhân lực (hợp đồng, biên chế) làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình

TT	Tên đầy đủ của văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày có hiệu lực
1.			
2.			
...			

¹ Dòng cấp “xã,” ghi tỷ lệ phần trăm hoặc số tuyệt đối về số xã, phường, thị trấn đã quán triệt.

2.3- Văn bản quy định về đầu tư, phương thức và định mức đầu tư cho công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình

TT	Tên đầy đủ của văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày có hiệu lực
1.			
2.			
...			

3- Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW tại địa phương (đánh dấu X hoặc điền thông tin vào ô tương ứng)

	Kiểm tra, giám sát		Sơ kết đánh giá			
	Không	Có, nêu rõ hình thức	Không	Có, nêu rõ định kỳ		
				1 năm	5 năm	Khác (ghi rõ)
Tỉnh ủy	
HĐND tỉnh	
UBND tỉnh					
Chi cục DS-KHHGD, sở Y tế	
Cấp huyện	
Cấp xã	

II- Kết quả đạt được

1- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/ kế hoạch hóa gia đình

STT		2005	2010	2014
1	Tỷ lệ bao phủ các mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình			
2	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được đi khám thai đủ 3 lần			
3	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được đi tiêm phòng uốn ván			
4	Tỷ lệ phụ nữ được cán bộ y tế chăm sóc khi sinh			
5	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tư vấn xét nghiệm HIV			
6	Tỷ lệ phụ nữ từ 15-49 tuổi được cung cấp các BPTT hiện đại			
7	Tỷ lệ nam giới được cung cấp bao cao su			
8	Số lượng chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình			
9	Tổng số tiền mua phương tiện tránh thai để cấp miễn phí (ĐVT: 1000)			
10	Tổng số tiền bán phương tiện tránh thai tiếp thị xã hội (ĐVT:1000)			

2- Nâng cao chất lượng dân số

Kinh phí đầu tư cho các mô hình, dự án, đề án (Đơn vị tính:1000)

STT	Các mô hình đề án, dự án đã triển khai	2005	2010	2014
1	Đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh			
2	Mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân			
3	Mô hình can thiệp làm giảm tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết và mô hình nâng cao chất lượng dân số một số dân tộc ít người			
4	Đề án tư vấn và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng			
5			

3- Một số chỉ tiêu dân số - kế hoạch hóa gia đình

STT		2005	2010	2014
1	Tỷ suất sinh thô (CBR)			
2	Tổng tỷ suất sinh (TFR)			
3	Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại			
4	Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai miễn phí			
5	Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai tiếp thị xã hội			
6	Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai mua từ thị trường			
7	Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên			

4- Một số vấn đề về dân số - kế hoạch hóa gia đình khác (Đơn vị tính: %)

STT		2005	2010	2014
1	Tỷ lệ di cư			
2	Tỷ lệ nhập cư			
3	Tỷ số giới tính khi sinh (nam/nữ)			
4	Tỷ lệ dân số từ 60 tuổi trở lên			
5	Tỷ lệ dân số từ 0 - 14 tuổi			
6	Tỷ lệ dân số từ 15 - 64 tuổi			
7	Tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên			
8	Tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên không nơi nương tựa			
9	Số người 60 tuổi trở lên sống cùng con cái			
10	Số người 60 tuổi trở lên có thể bảo hiểm y tế			
11	Số người 60 tuổi trở lên có lương hưu			

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT 47-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
(ngành Y tế)**

I- Triển khai thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW

1- Tình hình quán triệt các văn bản tại các cấp (ghi tỷ lệ % hoặc số tuyệt đối vào ô tương ứng)

Văn bản chỉ đạo của các cấp	Chưa quán triệt	Đã quán triệt	Đối tượng quán triệt		Phương thức quán triệt			
			Cán bộ chủ chốt	Đảng viên từng chi bộ	Học tập chuyên đề độc lập	Lồng ghép với các chuyên đề khác	Lồng ghép vào nghị quyết chi bộ	Khác (ghi rõ)
Nghị quyết 47-NQ/TW								
Chỉ Thị 21-CT/TU								
Cấp huyện ²								
Cấp xã ³								

2- Kết quả ban hành các văn bản chỉ đạo quán triệt và phổ biến Nghị quyết 47 tại địa phương từ 2005 đến nay (thống kê đầy đủ các văn bản đã ban hành)

TT	Cơ quan ban hành	Tên đầy đủ của văn bản	Ngày có hiệu lực
I	Tỉnh ủy		
1.		
II	HĐND tỉnh		
1.	...		
III	UBND tỉnh		
1.	...		
IV	Sở Y tế		
1.	...		
V	Sở, ngành, đoàn thể		
1.	...		

² Dòng “cấp huyện”: ghi tỷ lệ %, hoặc số tuyệt đối. ví dụ tỉnh, thành phố có 17 huyện, đã có 10 huyện quán triệt thì ghi 60% hoặc ghi 10/17.

³ Tương tự như mục 2

3- Kết quả ban hành các văn bản liên quan đến công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tại địa phương từ năm 2005 đến nay (thống kê đầy đủ các văn bản đã ban hành)

3.1- Văn bản quy định về mô hình tổ chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình

TT	Tên đầy đủ của văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày có hiệu lực
1.			
2.			
...			

3.2- Văn bản quy định về nhân lực (hợp đồng, biên chế) làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình

TT	Tên đầy đủ của văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày có hiệu lực
1.			
2.			
...			

3.3- Văn bản quy định về đầu tư, phương thức và định mức đầu tư cho công tác DS-KHHGD

TT	Tên đầy đủ của văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày có hiệu lực
1.			
2.			
...			

4- Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW tại địa phương (đánh dấu X hoặc điền thông tin vào ô tương ứng)

	Kiểm tra, giám sát		Sơ kết đánh giá			
	Không	Có, nêu rõ hình thức	Không	Có, nêu rõ định kỳ		
				1 năm	5 năm	Khác (ghi rõ)
Tỉnh ủy	
HĐND tỉnh	
UBND tỉnh					
Chi cục DS-KHHGD, Sở Y tế	
Cấp huyện, thị xã, thành phố	
Cấp xã, phường, thị trấn	

II- Kết quả đạt được

1- Công tác truyền thông, vận động, quán triệt và phổ biến Nghị quyết 47-NQ/TW (Đơn vị tính:%)

STT		2005		2010		2014	
		Có	Không	Có	Không	Có	không
1	Chi cục có tổ truyền thông thực hiện công tác DS-KHHGD không?						
	Tỷ lệ cán bộ Chi cục Dân số được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về truyền thông vận động.						
2	Tỷ lệ cán bộ Trung tâm Dân số được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về truyền thông vận động.						
3	Tỷ lệ cán bộ trạm y tế, cán bộ CTDS được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về truyền thông vận động.						
4	Tỷ lệ công tác viên dân số, cán bộ y tế thôn bản được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về truyền thông vận động.						
5	Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận với hoạt động tư vấn, truyền thông về công tác DS-KHHGD.						
6	Tỷ lệ Trung tâm Dân số có tổ truyền thông vận động thực hiện công tác DS-KHHGD.						
7	Số lượt truyền thông DS-KHHGD trong các buổi sinh hoạt, hội họp tại cộng đồng.						

2- Mô hình tổ chức và nhân lực

STT		2005	2010	2014
1	Tỷ lệ Trung tâm DS-KHHGD trực thuộc UBND huyện			
2	Tỷ lệ Cán bộ Dân số xã, phường, thị trấn là viên chức Trạm y tế làm việc tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn			
3	Tỷ lệ Cán bộ Dân số xã, phường, thị trấn là viên chức thuộc trung tâm DS làm việc tại UBND xã, phường, thị trấn			
4	Tỷ lệ Cán bộ Dân số xã, phường, thị trấn là Phó Ban chỉ đạo DS-KHHGD			
5	Tỷ lệ Cán bộ Dân số xã, phường, thị trấn là Ủy viên thường trực Ban chỉ đạo DS-KHHGD			
6	Tỷ lệ cán bộ dân số xã/phường là Ủy viên ban chỉ đạo DS-KHHGD			
7	Tỷ lệ cộng tác viên dân số xã, phường, thị trấn là chi hội trưởng phụ nữ kiêm nhiệm			
8	Tỷ lệ cộng tác viên dân số xã, phường, thị trấn là cán bộ y tế thôn bản kiêm nhiệm			
9	Tỷ lệ cộng tác viên dân số xã, phường, thị trấn không kiêm nhiệm			
10	Số chỉ tiêu biên chế tại chi cục dân số			
11	Số chỉ tiêu hợp đồng tại chi cục dân số			
12	Số cán bộ biên chế tại chi cục dân số			
13	Số cán bộ hợp đồng tại chi cục dân số			
14	Số cán bộ biên chế tại các Trung tâm dân số			
15	Số cán bộ hợp đồng tại các Trung tâm dân số			
16	Tỷ lệ trung tâm dân số có đủ biên chế theo tiêu chí			
17	Tỷ lệ trung tâm dân số có đủ hợp đồng theo tiêu chí			
18	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có cán bộ chuyên trách dân số trong biên chế			
19	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có đủ cộng tác viên dân số theo tiêu chí			

3- Đầu tư về nguồn lực, cơ sở vật chất

STT		2005	2010	2014
1	Chi cục có được xây mới và nâng cấp hay không?			
	Có Không	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
2	Chi cục được xây mới, nâng cấp từ nguồn nào? - Ngân sách Trung ương - Ngân sách tỉnh - Nguồn khác.....			
		<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
3	Số lượng trung tâm Dân số được xây mới, nâng cấp?			
4	Số lượng trung tâm Dân số được xây mới, nâng cấp từ nguồn kinh phí nào? - Ngân sách Trung ương - Ngân sách Tỉnh - Ngân sách huyện, thị xã, thành phố - Nguồn khác.....			
		<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
5	Tổng ngân sách cho công tác dân số của tỉnh (ĐVT:1000)
6	Tỷ trọng phân bổ ngân sách của tỉnh cho công tác dân số
7	Mức phụ cấp cho công tác viên dân số/tháng

4- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình

STT		2005	2010	2014
1	Tỷ lệ bao phủ các mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/ kế hoạch hóa gia đình			
2	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được đi khám thai đủ 3 lần			
3	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được đi tiêm phòng uốn ván			
4	Tỷ lệ phụ nữ được cán bộ y tế chăm sóc khi sinh			
5	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tư vấn xét nghiệm HIV			
6	Tỷ lệ phụ nữ từ 15-49 tuổi được cung cấp các BPTT hiện đại			
7	Tỷ lệ nam giới được cung cấp bao cao su			
8	Số lượng chiến dịch truyền thông lồng ghép			

	dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/ kế hoạch hóa gia đình			
9	Tổng số tiền mua phương tiện tránh thai để cấp miễn phí (ĐVT: 1000)			
10	Tổng số tiền bán phương tiện tránh thai tiếp thị xã hội (ĐVT:1000)			

5- Nâng cao chất lượng dân số

5.1- Số huyện triển khai các mô hình, đề án, dự án

STT	Các mô hình đề án, dự án đã triển khai	2005	2010	2014
1	Đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh			
2	Mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân			
3	Mô hình can thiệp làm giảm tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết và mô hình nâng cao chất lượng dân số một số dân tộc ít người			
4	Đề án tư vấn và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng			
5	Khác			

5.2- Kinh phí đầu tư cho các mô hình, dự án, đề án (Đơn vị tính:1000)

STT	Các mô hình đề án, dự án đã triển khai	2005	2010	2014
1	Đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh			
2	Mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân			
3	Mô hình can thiệp làm giảm tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết và mô hình nâng cao chất lượng dân số một số dân tộc ít người			
4	Đề án tư vấn và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng			

6- Một số chỉ tiêu dân số - kế hoạch hóa gia đình

STT		2005	2010	2014
1	Tỷ suất sinh thô (CBR)			
2	Tổng tỷ suất sinh (TFR)			
3	Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại			
4	Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai miễn phí			
5	Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai tiếp thị xã hội			
6	Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai mua từ thị trường			
7	Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên			

7- Một số vấn đề về dân số - kế hoạch hóa gia đình khác (Đơn vị tính: %)

STT		2005	2010	2014
1	Tỷ lệ di cư			
2	Tỷ lệ nhập cư			
3	Tỷ số giới tính khi sinh (nam/nữ)			
4	Tỷ lệ dân số từ 60 tuổi trở lên			
5	Tỷ lệ dân số từ 0 – 14 tuổi			
6	Tỷ lệ dân số từ 15 – 64 tuổi			
7	Tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên			
8	Tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên không nơi nương tựa			
9	Số người 60 tuổi trở lên sống cùng con cái			
10	Số người 60 tuổi trở lên có thẻ bảo hiểm y tế			
11	Số người 60 tuổi trở lên có lương hưu			